TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06-02-2026
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Đô
Ông Đồng Văn Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 06/02/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2025. Quyết định hoãn phiên toà số: 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh ngày 06/3/1981. CCCD số 024181016591, ngày cấp 25/6/2021. Nơi cư trú: Thôn T, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử văng mặt).

- Bị đơn: Anh Giáp Xuân T, sinh ngày 19/9/1980. CCCD số 024080012179, ngày cấp 25/6/2021. Nơi cư trú: Thôn T, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày*: Chị đăng ký kết hôn với anh Giáp Xuân T ngày 07/01/2012, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nay là UBND xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hàng ngày vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ tháng 01/2023. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị thiết tha xin được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Giáp Hoà A, sinh ngày 13/4/2013 và Giáp Xuân B, sinh ngày 28/10/2014. Hiện các con đang ở cùng chị, các con khoẻ mạnh và phát tiển bình hường. Nay ly hôn chị xin được nuôi hai con chung, không đề nghị Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì đáng giá, nên chị không đề nghị Toà án giải quyết.

** Bị đơn anh Giáp Xuân T*, mặc dù đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng anh T vẫn không phối kết hợp để làm việc.

Tại phiên toà hôm nay chị Nguyễn Thị S vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Giáp Xuân T vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay chị Nguyễn Thị S vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Giáp Xuân T vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Do vậy, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật; đề nghị Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 238, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Giáp Xuân T. Về nuôi con chung: Xử giao chị Nguyễn Thị S nuôi cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản: Chị Nguyễn Thị S không đề nghị Toà án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Ngoài ra còn đề nghị xử lý án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S khởi kiện xin ly hôn anh Giáp Xuân T, nơi cư trú: Thôn T, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh. Nội dung: Chị Nguyễn Thị S xin được ly hôn, đề nghị giải quyết về con chung, không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên toà hôm nay chị Nguyễn Thị S vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Giáp Xuân T vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai, nên HĐXX căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S đăng ký kết hôn với anh Giáp Xuân T ngày 07/01/2012 tại UBND xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nay là UBND xã

Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hằng ngày vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không hòa thuận được để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ tháng 01/2023. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị Nguyễn Thị S xin được ly hôn. Phía anh Giáp Xuân T mặc dù đã được Toà án niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không phối kết hợp để làm việc, vắng mặt tại phiên toà, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua xác minh, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Giáp Xuân T để giải phóng cho cả hai bên. Xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị S và anh Giáp Xuân T sinh được 02 con chung là Giáp Hoà A, sinh ngày 13/4/2013 và Giáp Xuân B, sinh ngày 28/10/2014. Hiện các cháu đang ở cùng chị S, các cháu khoẻ mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị S xin được nuôi cả hai con chung. Phía anh Giáp Xuân T mặc dù đã được Toà án niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không phối kết hợp để làm việc, vắng mặt tại phiên toà, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. HĐXX xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sinh ra. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, qua xác minh tại địa phương, xác định được hiện anh T đang đi làm công nhân thỉnh thoảng có về nhà thăm con xong lại đi, các con ở nhà do chị Nguyễn Thị S chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ, tạo điều kiện cho các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Nên cần giao chị Nguyễn Thị S nuôi cả hai con chung, xét là phù hợp.

[3.1] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị S không đề nghị Toà án giải quyết. Phía anh Giáp Xuân T mặc dù đã được Toà án niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không phối kết hợp để làm việc, vắng mặt tại phiên toà, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có sảy ra tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc đề nghị góp cấp dưỡng nuôi con, thì Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3.2] Sau khi ly hôn, anh Giáp Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Xét là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị S không đề nghị Tòa án giải quyết. Phía anh Giáp Xuân T mặc dù đã được Toà án niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không phối kết hợp để làm việc, vắng mặt tại phiên toà, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có xảy ra tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Xét quan điểm, đường lối của Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh đưa ra tại phiên toà hôm nay, là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 238, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Giáp Xuân T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao chị Nguyễn Thị S nuôi hai con chung là Giáp Hoà An, sinh ngày 13/4/2013 và Giáp Xuân B, sinh ngày 28/10/2014. Không đề nghị Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Anh Giáp Xuân T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về chia tài sản: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004202 ngày 02/12/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND khu vực 4 – Bắc Ninh
- Phòng THADS khu vực 4 – Bắc Ninh
- UBND xã Nghĩa Phương, Bắc Ninh.
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi